

Kèm theo Quyết định số Ngày 04-04-2017

HỆ PT

Trường : 6003 Hệ Trung cấp trong Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
6003 00000	Nguyễn Thị Thủy	An	18/03/90	Nữ	60.06		99 99.00001	4.60	4.60	5.90				15.10	15.10	5.03	401	2NT	09 PT
6003 00000	Nguyễn Hồng	Ấn	06/02/96		60.01		99 99.00002	6.40	6.70	6.50				19.60	19.60	6.53	401	1	14 PT
6003 00000	Trịnh Văn	Bắc	11/02/96		60.06		99 99.00031	6.10	5.50	5.70				17.30	17.30	5.76	401	2NT	14 PT
6003 00000	Thái Quốc	Bằng	00/00/76		60.07		99 99.00003	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	5.00	401	1	94 PT
6003 00000	Trương Văn	Cần	01/07/82		60.06		99 99.00026	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	5.00	401	2	99 PT
6003 00000	Phạm Việt	Châu	26/04/84	Nữ	60.01		99 99.00004	5.20	5.80	6.20				17.20	17.20	5.73	401	2	02 PT
6003 00000	Cao Ngọc	Chính	15/12/87	Nữ	61.01		99 99.00021	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	5.00	401	1	06 PT
6003 00000	Phạm Thị	Diễm	01/01/88	Nữ	60.05		99 99.00032	5.40	6.30	7.00				18.70	18.70	6.23	401	2NT	07 PT
6003 00000	Dương Thị	Diệu	01/04/67	Nữ	60.01		99 99.00027	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	5.00	401	2	85 PT
6003 00000	Hà Võ	Đang	04/10/96		59.07		99 99.00005	4.10	4.40	4.60				13.10	13.10	4.36	401	1	14 PT
6003 00000	Trần Công	Đảm	22/12/85		60.06		99 99.00037	7.20	6.60	7.10				20.90	20.90	6.96	401	1	04 PT
6003 00000	Phan Bạch	Đang	04/02/70		60.01		99 99.00006	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	5.00	401	2NT	88 PT
6003 00000	Thạch Hoài	Đông	24/08/80		60.02	01	99 99.00007	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	5.00	401	1	98 PT
6003 00000	Trần Thanh	Hiền	08/06/70		59.07		99 99.00036	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	5.00	401	1	89 PT
6003 00000	Lục Minh	Hoàng	29/08/91		60.01		99 99.00010	5.00	5.60	5.10				15.70	15.70	5.23	401	2	02 PT
6003 00000	Trần Quang	Huy	17/10/88		60.04		99 99.00009	7.70	6.50	6.20				20.40	20.40	6.80	401	1	06 PT
6003 00000	Tô Tú	Huỳnh	12/09/91	Nữ	60.04		99 99.00011	5.40	5.10	5.90				16.40	16.40	5.46	401	1	11 PT
6003 00000	Huỳnh Thị	Khoa	04/04/84	Nữ	60.07		99 99.00012	6.20	6.00	7.20				19.40	19.40	6.46	401	1	03 PT
6003 00000	Phạm Công	Lệnh	25/05/88		59.09		99 99.00038	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	5.00	401	1	06 PT
6003 00000	Cao Văn	Mến	00/00/78		60.04		99 99.00008	5.00	4.90	5.60				15.50	15.50	5.16	401	1	97 PT
6003 00000	Ngô Diễm	My	20/10/87	Nữ	60.01		99 99.00022	7.50	7.40	7.80				22.70	22.70	7.56	401	2	05 PT
6003 00000	Khương Dương ánh	Ngọc	28/02/95	Nữ	59.01		99 99.00030	7.60	6.30	7.70				21.60	21.60	7.20	401	1	12 PT
6003 00000	Phan Thy Thảo	Nguyên	12/09/80	Nữ	60.05		99 99.00014	5.10	5.50	6.20				16.80	16.80	5.60	401	2NT	01 PT
6003 00000	Trần Thanh	Nhàn	22/07/91		60.03		99 99.00013	4.80	5.40	5.20				15.40	15.40	5.13	401	2NT	09 PT
6003 00000	Nguyễn Đức	Nhà	16/01/85		59.09		99 99.00029	7.10	7.30	8.10				22.50	22.50	7.50	401	1	03 PT
6003 00000	Huỳnh Ngọc	Nhiều	08/03/90	Nữ	60.02		99 99.00023	5.30	5.50	6.20				17.00	17.00	5.66	401	2NT	09 PT
6003 00000	Đặng Tính	Như	13/06/96	Nữ	60.01		99 99.00028	5.60	6.40	6.90				18.90	18.90	6.30	401	2	14 PT
6003 00000	Sơn Sô Pha	Ni	22/08/91	Nữ	64.03	01	99 99.00035	5.20	6.10	6.10				17.40	17.40	5.80	401	2NT	09 PT
6003 00000	Tăng Thị Hồng	Thắm	09/10/81	Nữ	60.04		99 99.00015	6.40	7.50	6.40				20.30	20.30	6.76	401	1	01 PT

Kèm theo Quyết định số Ngày 04-04-2017

HỆ PT

Trường : 6003 Hệ Trung cấp trong Trường Cao đẳng Y tế Bạc

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
6003 00000	Trần Trùy Thuận	09/10/85		60.01		99	99.00016	7.10	7.90	8.20				23.20	23.20	7.73	401	1	03 PT
6003 00000	Lâm Kim Thúy	13/07/83		60.04		99	99.00025	5.20	5.20	6.20				16.60	16.60	5.53	401	1	04 PT
6003 00000	Trần Hữu Tín	25/09/88		61.04		99	99.00033	7.20	9.40	8.60				25.20	25.20	8.40	401	1	06 PT
6003 00000	Danh Tỉnh	06/09/86		60.03	01	99	99.00024	4.70	6.00	6.20				16.90	16.90	5.63	401	2NT	05 PT
6003 00000	Nguyễn Thị Thùy Trang	10/09/84	Nữ	60.06		99	99.00017	5.90	5.90	6.50				18.30	18.30	6.10	401	1	02 PT
6003 00000	Trần Ngọc Trinh	12/03/92	Nữ	60.07		99	99.00018	4.40	4.30	5.40				14.10	14.10	4.70	401	1	11 PT
6003 00000	Huỳnh Mộng Trinh	01/12/82	Nữ	60.01		99	99.00039	5.20	5.70	7.40				18.30	18.30	6.10	401	1	03 PT
6003 00000	Lâm Thị út	20/10/84	Nữ	60.01		99	99.00019	4.60	5.80	6.10				16.50	16.50	5.50	401	1	04 PT
6003 00000	Nguyễn Thị Thùy Vân	12/09/88	Nữ	42.05		99	99.00020	4.00	5.70	5.70				15.40	15.40	5.13	401	1	07 PT
6003 00000	Nguyễn Thị Bảo Yến	05/07/91	Nữ	60.07		99	99.00034	5.60	5.50	6.80				17.90	17.90	5.96	401	2NT	09 PT

CỘNG TRƯỜNG 6003.PT : 39 THÍ SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký và ghi rõ họ tên)



 Bockii Phạm Ngọc Diệp